TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **20**/2020/HNGĐ-ST Ngày 29/5/2020 V/v: Hôn nhân gia đình- đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Miện.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình-đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX- ST ngày 21 tháng 4năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn M, sinh năm 1992: Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị T**,** sinh năm 1996; Địa chỉ: Xóm 6, thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh B. Hiện đã xuất cảnh khỏi Việt Nam chưa nhập cảnh về nước (không rõ địa chỉ cụ thể)- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (anh Ngô Văn M) trình bày:

Anh và chị Vũ Thị T trước đây có quan hệ là vợ chồng và có sinh được 01 con chung là cháu Ngô Ngọc D, sinh ngày 15/8/2017. Do trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nên năm 2018 anh đã có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa.

Ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa căn cứ vào sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa anh và chị T đã ra Quyết định số 189/2018/QĐST-HNGĐ, giao cho chị Vũ Thị T tiếp tục nuôi cháu Ngô Ngọc D, anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện nay anh đang làm nghề cắt tóc (làm thuê), trong quá trình lao động thu nhập bình quân hàng tháng của anh bị giảm sút và không ổn định (bình quân từ 3- 4 triệu đồng/1 tháng), không còn đủ khả năng tiếp tục cấp dưỡng nuôi con cùng chị T ở mức 2.000.000đ/1 tháng được nữa. Anh đã gặp chị T để trao đổi về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T không đồng ý. Vì vậy, anh đã làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật ở mức thấp nhất. Ngoài ra, anh không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn (chị Vũ Thị T): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng chị T vắng mặt. Bà Vũ Thị Thu (là mẹ đẻ của chị T) trình bày: Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án triệu tập chị T đến làm việc về việc anh Ngô Văn M có đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Ngô Ngọc D do chị T đang nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay chị T đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ khoảng tháng 6/2019 còn ngày cụ thể bà không nhớ. Chị T đi theo hợp đồng lao động 3 năm đối với công ty, còn công ty nào bà không biết nhưng chị T vẫn thường xuyên gọi điện, liên lạc với gia đình nhưng không nói cho gia đình địa chỉ cụ thể ở đâu và làm tại công ty nào của Nhật Bản. Nay Tòa án giải quyết việc anh M có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 189 ngày 20/11/2019. Tại quyết định thể hiện anh M, chị T thỏa thuận hàng tháng anh M phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 2.000.000đ/1 tháng. Quan điểm của gia đình (đã có ý kiến của chị T) là yêu cầu Tòa án giải quyết cùng với cơ quan có thẩm quyền để anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ từ thời điểm hiện tại trở về trước theo như thỏa thuận trong quyết định thuận tình ly hôn giữa chị T và anh M. Còn từ thời gian này trở đi thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 40 của Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn M về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đã thỏa thuận tại Quyết định Công nhận việc thuận tình ly hôn và

sự thỏa thuận của các đương sự số 189 ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa với mức cấp dưỡng nôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Nay được thay đổi như sau: Anh Ngô Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Ngô Ngọc D, sinh ngày 15/8/2017) cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Ngô Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000310 ngày 24/6/20219 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2019 của anh Ngô Văn M đây xác định là quan hệ tranh chấp về cấp dưỡng (đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con) quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Vũ Thị T (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương và gia đình cung cấp, hiện chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vẫn thường xuyên gọi điện về gia đình nhưng không nói cho gia đình địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc nên gia đình không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án. Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cung cấp chị Vũ Thị T đã xuất cảnh ngày 30/6/2019, hiện chưa có thông tin về nước. Theo quy định của Chính phủ, công dân khi xuất cảnh không phải khai mục đích và nước đến nên Cục quản lý xuất nhập cảnh không có thông tin về địa chỉ cụ thể nơi đến, mục đích xuất cảnh của chị T. Vì vậy, xác định chị T đã cố tình giấu địa chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho anh M và Tòa án trong việc giải quyết yêu cầu đề nghị thay đổi cấp dưỡng nuôi con của anh M và chị T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

Đối với vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý ngày 24/6/2019, đến ngày 30/6/2019 thì chị T mới xuất cảnh nên vụ án không thay đổi về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa vẫn có thẩm quyền giải quyết đối với vụ án.

[2]. **Về quan hệ tranh chấp**:

[2].1. *Xét yêu cầu về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của anh M thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn số 189/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa quyết định giao cho chị Vũ Thị T tiếp tục nuôi cháu

Ngô Ngọc D, anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh M xác định khi đó do có thu nhập ổn định nên có khả năng cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ nên anh M và chị T đã thỏa thuận mức cấp dưỡng như trên tại Tòa án. Tuy nhiên, do anh M sau này không có công việc ổn định nên thu nhập hàng tháng bị giảm sút, anh M đã thỏa thuận lại với chị T lại về mức cấp dưỡng nôi con hàng tháng nhưng chị T không đồng ý. Nay anh M xác định đang làm nghề cắt tóc thuê, thu nhập bình quân hàng tháng từ 3- 4 triệu đồng nên không đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi con cùng chị T hàng tháng như đã thỏa thuận là 2.000.000đ/1 tháng, anh đề nghị xem xét để anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T hàng tháng theo mức quy định của pháp luật ở mức thấp nhất. Hội đồng xét xử xét thấy, qua trao đổi địa phương cung cấp hiện nay anh M đang làm nghề cắt tóc thuê tại thành phố Bắc Giang, mức thu nhập hàng tháng là 3- 4 triệu đồng. Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu (nay là mức lương cơ sở) do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Hiện nay mức lương cơ sở Nhà nước quy định là 1.490.000đ, đến 01/7/2010 sẽ là 1.700.000đ/1 tháng, tuy nhiên hiện nay để nuôi dưỡng 01 đứa trẻ cần phải chi phí ở mức lớn hơn 1 tháng lương cơ sơ do nhà nước quy định mới đám bảo cho đứa trẻ phát triển bình thường. Khả năng kinh tế của anh M hiện nay đã bị giảm sút do công việc không ổn định, căn cứ vào hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh mức cấp dưỡng nuôi con của anh M ở mức 1.000.000đ/1 tháng là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con của anh M cần được chấp nhận.

[2].6. Về án phí: Anh Ngô Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 40 của Bộ luật dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn M về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con đã thỏa thuận tại Quyết định Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 189 ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa với mức cấp dưỡng nôi con là 2.000.000đ/1 tháng. Nay được thay đổi như sau: Anh Ngô Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Ngô Ngọc D, sinh ngày 15/8/2017) cùng chị T mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2020 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Ngô Văn M phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000310 ngày 24/6/20219 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận anh M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ng□ời đ□ợc thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Q;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn